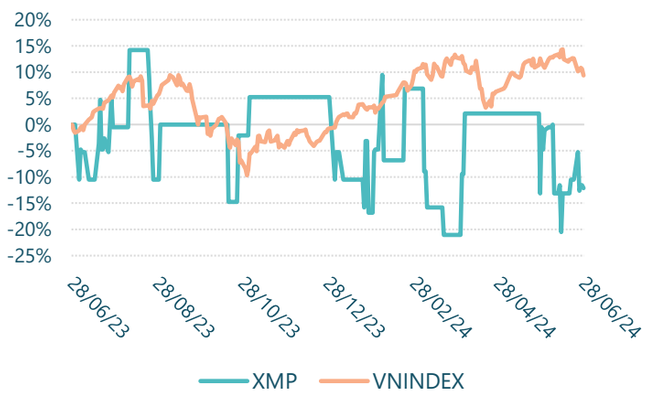
CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	16,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-11.6%	11.3%	-16.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,000 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	251
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,885
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.45)
EPS	514
P/E	32.5

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

18.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.90 | -4.5%

YoY: ▼0.40 | -1.9%

Nợ/VCSH

Q2/24

122%

YoY: +/-▼ 6.6%

LN gộp

Q2/24

11.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50 | -4.5%

YoY: ▼0.20 | -1.9%

ROE (TTM)

Q2/24

4.3%

YoY: +/-▲ 0.8%

LN trước thuế

Q2/24

4.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.77 | -14.2%

YoY: ▲ 1.46 | 45.4%

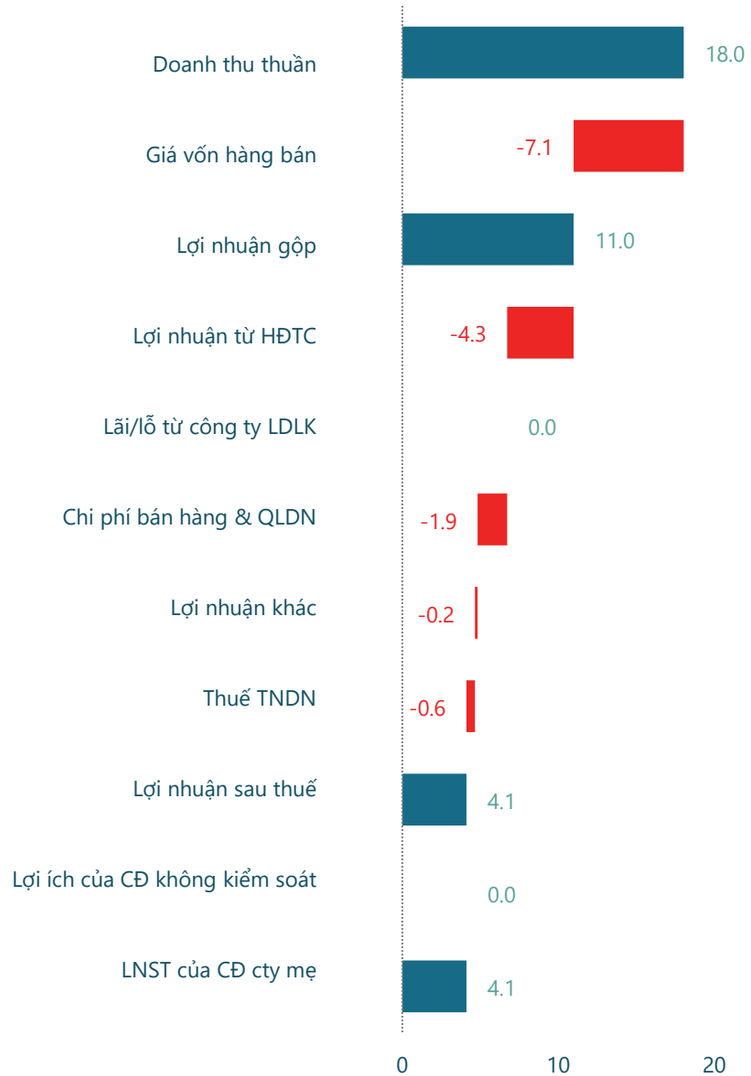
ROA (TTM)

Q2/24

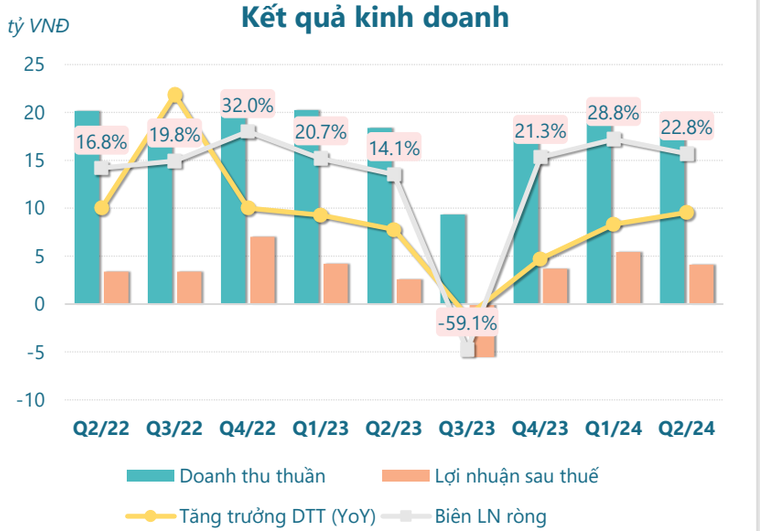
1.9%

YoY: +/-▲ 0.4%

Kết quả kinh doanh Q2/24

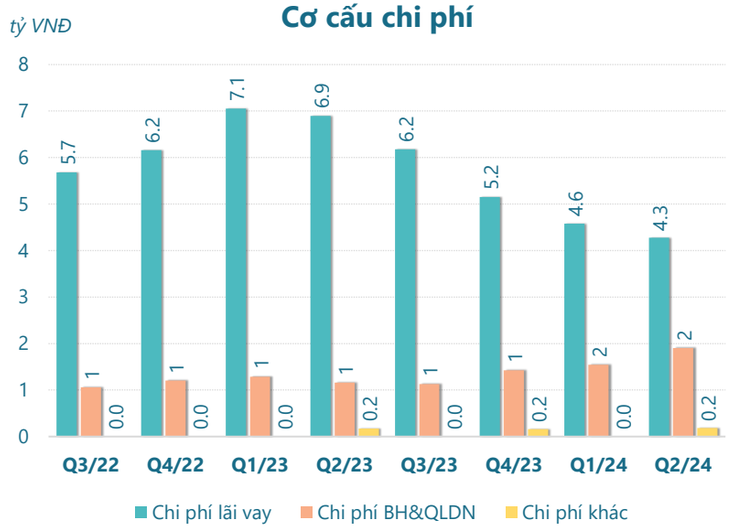


CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)



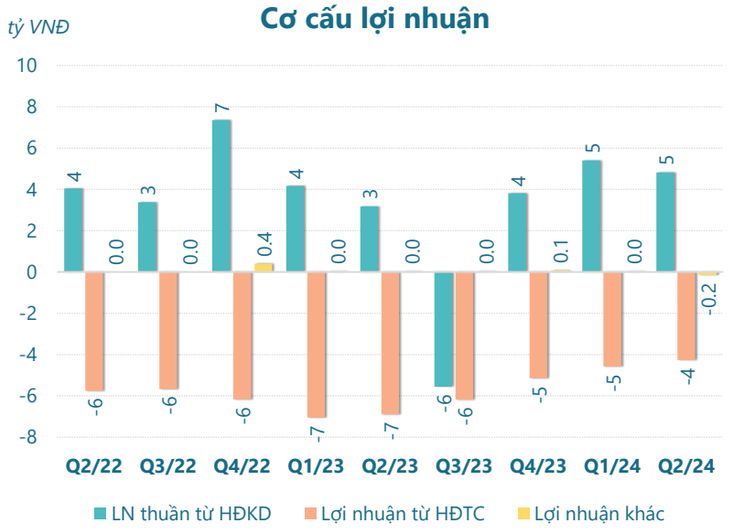
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 4.82 tỷ đồng**, giảm đi 10.9% so với kỳ trước và cao hơn 52.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 4.26 tỷ đồng** tăng thêm 0.32 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 2.63 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.15 tỷ đồng** giảm đi 600% so với kỳ trước và thấp hơn 600% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **XMP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **18.04 tỷ đồng** giảm đi **1.85%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.11 tỷ đồng**, **tăng trưởng 58.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **37.00 tỷ đồng** thấp hơn 5.13% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.00 tỷ đồng** cao hơn 42.9% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.27 tỷ đồng** giảm đi 6.77% so với kỳ trước và thấp hơn 38.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.90 tỷ đồng** tăng thêm 22.6% so với kỳ trước và cao hơn 63.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.18 tỷ đồng** tăng thêm 0.18 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 5.88% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**18.0**	**18.9**	**-4.5%**	**18.4**	**-1.9%**	**36.9**	**38.6**	**-4.4%**
Giá vốn hàng bán	7.06	7.37	-4.2%	7.15	-1.3%	14.4	14.9	-3.2%
Lợi nhuận gộp	11.0	11.5	-4.5%	11.2	-1.9%	22.5	23.7	-5.1%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.00		0.01	0.00	352%
Chi phí TC	4.27	4.58	-6.7%	6.89	-38.0%	8.85	13.9	-36.5%
Chi phí lãi vay	4.27	4.58	-6.7%	6.89	-38.0%	8.85	13.9	-36.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.90**	**1.55**	**22.8%**	**1.16**	**64.0%**	**3.45**	**2.45**	**40.8%**
LN thuần từ HĐKD	4.82	5.41	-10.9%	3.17	52.1%	10.2	7.34	39.4%
Lợi nhuận khác	**-0.15**	**0.03**	**-613%**	**0.03**	**-613%**	**-0.12**	**0.06**	**-295%**
LN trước thuế	4.67	5.44	-14.2%	3.21	45.4%	10.1	7.40	36.5%
Lợi nhuận sau thuế	**4.11**	**5.44**	**-24.4%**	**2.59**	**58.8%**	**9.55**	**6.78**	**40.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.11**	**5.44**	**-24.4%**	**2.59**	**58.8%**	**9.55**	**6.78**	**40.8%**

